

(Dạng đầy đủ)
(Đến ngày 30/09/2011)

STT	CHỈ TIÊU	Mã	Thuyết minh	Lấy kể từ đầu năm đến cuối quý này	
				Năm nay	Năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		72,301,061,071	32,526,843,236
2	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(52,182,601,179)	(38,782,443,171)
3	3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(2,409,437,587)	(2,522,877,283)
4	4. Tiền chi trả lãi vay	04		(5,803,304,671)	(3,476,863,526)
5	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(3,028,060,127)	0
6	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		6,785,112,388	31,043,270,588
7	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(23,974,163,564)	(22,558,897,011)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(8,311,393,669)	(3,770,967,167)
II	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(34,554,549)	(39,020,818)
2	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		0	
3	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(79,410,000,000)	(13,842,000,000)
4	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		79,400,000,000	11,000,000,000
5	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(6,553,800,000)	(4,974,000,000)
6	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			692,000,000
7	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		659,689,566	99,747,488
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(5,938,664,983)	(7,063,273,330)
III	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		0	0
2	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		0	0
3	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		15,800,000,000	28,850,000,000
4	4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(11,636,400,000)	(14,011,400,000)
5	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		0	0
6	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		0	0
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		4,163,600,000	14,838,600,000
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(10,086,458,652)	4,004,359,503
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		12,675,688,324	1,359,157,740
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		0	0
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	VII.34	2,589,229,672	5,363,517,243

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TP.HCM, ngày 30 tháng 09 năm 2011
TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Nghĩa

